

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 1 - HUẾ  
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2026/HS-ST**  
Ngày 22 - 5 - 2026

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm và ông Lê Thanh Đoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

**Trương Ngọc T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08 tháng 5 năm 2001 tại thành phố H; giới tính: Nam; số căn cước công dân: 046201009781; nơi cư trú: 4 P, tổ D, phường T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Trương Ngọc B và bà Ngô Thị T1; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không. Tiền sự: 02 (QĐ số 254/QĐ-XPTT và Quyết định số 27A/QĐ-XPHC);

Nhân thân: Ngày 22/01/2020, bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T (cũ). Ngày 13/01/2022, bị cáo xuất ngũ trở về địa phương sinh sống tại phường T, thành phố H.

- Ngày 26/12/2024, bị cáo bị Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng (Quyết định số 254/QĐ-XPTT), bị cáo đã chấp hành xong.

- Ngày 12/9/2025, bị cáo bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, thời hạn từ ngày 12/9/2025 đến ngày 12/9/2026 (Quyết định số 978/QĐ-UBND).

- Ngày 26/12/2025, bị cáo bị Công an phường T, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định số 27A/QĐ-XPHC), bị cáo đã chấp hành xong ngày 29/01/2026.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/12/2025, chuyển tạm giam từ ngày 01/01/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam Hương Thủy cơ sở 2, Công an thành phố H. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1970; số căn cước công dân: 046170009498. Địa chỉ: 4 P, tổ D, phường T, thành phố H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trương Ngọc B, sinh năm 1958; số căn cước công dân: 046058004970. Địa chỉ: 4 P, tổ D, phường T, thành phố H. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 29/12/2025, Trương Ngọc T do cần tiền để chuộc lại điện thoại di động đã cầm cố trước đó nên lợi dụng nhà không có người, T đi vào phòng ngủ của mẹ ruột mình là bà Ngô Thị T1 để trộm cắp tài sản. Tại đây, T thấy 01 (một) ba lô gần tủ quần áo nên T lén lút mở ba lô ra và thấy bên trong có 01 (một) ví da màu đỏ bên trong ví da có 7.000.000 (bảy triệu) đồng cùng với một số giấy tờ tùy thân. Thùy đã lấy 08 (tám) tờ tiền mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, tổng cộng 4.000.000 (bốn triệu) đồng bỏ vào túi quần rồi rời khỏi nhà. Bà T1 sau khi đi làm về phát hiện bị mất tiền nên đã trình báo cơ quan chức năng. Tại Cơ quan điều tra, Trương Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nói trên.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 08 (tám) tờ tiền mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, tổng cộng 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Hiện, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Ngô Thị T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Ngô Thị T1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, chồng là ông Trương Ngọc B không có ý kiến gì, không ai có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSKV1 ngày 08/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố bị cáo Trương Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Ngọc T từ 09 đến 12 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản nên không xem xét. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến, khiếu nại gì, nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 29/12/2025, tại nhà số D P, tổ D, phường T, thành phố H, Trương Ngọc T lợi dụng sự sơ hở, đã lén lút chiếm đoạt của bà Ngô Thị T1 với tổng số tiền là 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Hành vi của bị cáo Trương Ngọc T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Do đó, bản Cáo trạng số 17/CT-VKSKV1 ngày 08/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố bị cáo Trương Ngọc T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Trương Ngọc T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, tuy nhiên vẫn mang tính chất nguy hiểm cho xã hội.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trương Ngọc T có nhân thân xấu, có 02 tiền sự trong đó có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và

cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, không ai có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Ngô Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Ngọc B không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Trương Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 29/12/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Bị hại bà Ngô Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Ngọc B đã được nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Ngô Thị T1 không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; buộc bị cáo Trương Ngọc T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Phòng PV 06 CA thành phố Huế;
- Cơ quan THAHS CA thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 - Huế;
- Cơ sở giam giữ bị cáo;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Quỳnh Châu**

